

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SA THẦY
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HSST
Ngày: 27/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên toà: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông A Then và ông Phạm Thanh Luyến.

- Thư ký Phên toà: Ông, Lương Công Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh KonTum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Kon Tum tham gia Phên toà: Ông Phan Hà Thi - Kiểm sát V.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2019/HSST ngày 08 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Đ T (Tên gọi khác: TM), sinh ngày 22 tháng 7 năm 1997 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn 1, xã SS, huyện ST, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N, sinh năm 1955 và bà Nguyễn T, sinh năm 1957; bị cáo là con út trong gia đình có 05 anh em.

Tiền án, tiền sự: 02 tiền án.

Ngày 14/4/2016, bị TAND huyện ST tuyên phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 08/9/2017, bị TAND thành phố Kon Tum tuyên phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2019 cho đến nay. Có mặt tại Phên tòa.

2. Bành Viêt Th (Tên gọi khác: Đ), sinh ngày 30 tháng 12 năm 1997 tại Kon Tum; nơi cư trú: Thôn HB, xã SN, huyện ST, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bành VĐ, sinh năm 1970 và bà Trần Thị N, sinh năm 1970; bị cáo là con út trong gia đình có 02 anh em.

Tiền án, tiền sự: 01 tiền án.

Ngày 12/4/2016, bị TAND tỉnh Kon Tum tuyên phạt 30 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2019 cho đến nay. Có mặt tại Phên tòa.

3. Trần Minh Đ (Tên gọi khác: Ty), sinh ngày 20 tháng 9 năm 2000 tại Kon Tum ; nơi cư trú: Thôn 1, thị trấn S, huyện ST, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình Dũng, sinh năm 1965 và bà Lê Thị Thu Lan, sinh năm 1970; bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình có 04 anh em.

Tiền án, tiền sự: 02 tiền án.

Ngày 14/7/2017, bị TAND huyện ST tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, được coi là không có án tích theo khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự.

Ngày 22/2/2019, bị TAND huyện ST tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 28/5/2019, bị TAND huyện ST tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Hiện nay, bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Kon Tum theo bản án số 09/2019/HSST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh Kon Tum. Có mặt tại Phên tòa

4. Phạm Lâm S, sinh ngày 23 tháng 3 năm 1981 tại Kon Tum; nơi cư trú: 07 Nguyễn H, phường T, thành phố K , tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: thợ cơ khí; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình Tài (*Đã chết*) và bà Trần Thị Thạch, sinh năm 1960; bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 07 chị em. Vợ là Bùi Thanh Thủy (*đã ly hôn*), có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2019 đến ngày 12/4/2019 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Bảo lãnh" cho đến nay. Có mặt tại Phên tòa.

- Người bị hại:

1/ Chị Phạm Thị Thúy Ng, sinh năm 1995.

Trú tại: Thôn NB, xã SN, huyện ST, tỉnh Kon Tum (có mặt).

2/ Chị Y Th, sinh năm 1992.

Trú tại: Làng K, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1./ Anh Quách Ngọc Ph, sinh năm 1984.

Trú tại: 25 Đ, phường QT, thành phố KT, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

2./ Anh Mai Xuân V, sinh năm 1992.

Trú tại: Làng O, xã Y, huyện ST, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

3./ Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1974.

Trú tại: Thôn 2, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4./ Anh Nguyễn Quang Ph, sinh năm 1974.

Trú tại: Tổ 15, phường Q, thành phố KT, tỉnh Kon Tum (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5./ Anh Nông Ngọc V, sinh năm 1990.

Trú tại: 34 Nguyễn Sinh Sắc, phường Q, thành phố KT, tỉnh Kon Tum (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6./ Anh Nguyễn Đ S, sinh năm 1972.

Trú tại: 4/4 Ngô Quyền, phường T, thành phố KT, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

7./ Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1973.

Trú tại: 04 Triệu Việt Hưng, tổ 11 phường Th, thành phố KT, tỉnh Kon Tum (có đơn xin xét xử vắng mặt).

8./ Anh Bùi Quang Nh, sinh năm 1970.

Trú tại: 867 Phan Đình PH, phường Q, thành phố KT, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

9./ Anh Đỗ Xuân Tr, sinh năm 1982.

Trú tại: Tổ 2, phường Tr, thành phố KT, tỉnh Kon Tum (có đơn xin xét xử vắng mặt).

10./ Anh Trần Minh M, sinh năm 1992.

Trú tại: Thôn 1, thị trấn S, huyện ST, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 03/01/2019, Lê Đ Trủ Bành Viết Th xã Sa Nhơn chơi. Th đi mượn 01 (một) chiếc xe máy hiệu Dream của một người thanh niên (là người dân tộc thiểu số mà Th không rõ họ tên; xe Dream Th và Tkhông rõ BKS). Trên đường về, Bàn với Th đi lòng vòng xem nhà ai có sơ hở thì vào trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài và Th đồng ý. Khi đi tới làng Kđừ, thị trấn ST thì Tphát hiện một xe mô tô hiệu Sirius dựng trước sân nhà (đây là nhà của chị Y Th). Tnói với Th dừng xe lại cho Txuống (Th ngầm hiểu là dừng xe lại để cho Tvào lấy trộm chiếc xe máy dựng

trong sân nhà chị Y Th). Khi T vào trộm xe thì Th điều khiển xe mô tô đến cuối làng KĐừ (theo hướng Sa Nhon đi thị trấn ST), cách nhà Y Th khoảng 70 mét để đợi Tú. T đã lên vào sân nhà chị Y Th và dùng chiếc kéo nhỏ bằng kim loại thủ sẵn trong túi quần của T để bẻ khóa xe mô tô nhãn hiệu FLYAMAHA, loại CKD, BKS: 82AA-050.11. Sau khi bẻ khóa được T đã điều khiển chiếc xe này tới chỗ Th đang đợi rồi cùng Th đi về để trả chiếc xe mô tô Th đã mượn. Sau đó, cả hai đã cùng đi trên chiếc xe vừa trộm cắp được xuống thành phố Kon Tum để bán xe. Tuy nhiên, do thời tiết quá lạnh, trời tối và đèn xe mờ nên khi đi đến nhà máy sản xuất tinh bột sắn (thuộc xã Sa Bình, huyện ST) thì cả hai không đi nữa và quay về huyện ST. T chờ Th tới quán game Trung Nguyên và để Th ở lại quán game còn T thì một mình điều khiển chiếc xe máy nói trên vào bãi rác huyện ST để cất giấu. Sau đó, T gọi điện cho bạn mình là Nguyễn Thanh B, trú tại thôn S An, xã Sa S để nhờ Bình chở về nhà Bình chơi và ngủ lại tại đó. Đến ngày 05/01/2019, T đến bãi rác và lấy xe mà T đã cất giấu trước đó chạy thẳng xuống nhà anh H (T không rõ họ tên, H là bạn Tú, nhà tại thôn phương Quý, xã Vinh Quang, TP. Kon Tum) để nhờ anh H đi theo tới nhà Phạm Lâm S tại thôn Kon Tum Kơ 5, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum để bán xe đã trộm cắp được.

Ngày 05/01/2019, Bành Viêt Th đã mượn xe máy của một người thanh niên (là dân tộc thiểu số mà Th không rõ họ tên; xe Dream Th không rõ BKS) rủ Trần Minh Đ lên nhà Lan (người yêu của Th ở thôn Nhon Bình, xã Sa Nhon) để chơi nhưng không có Lan ở nhà mà chỉ có bố Lan ở nhà. Lúc đứng ở nhà Lan thì Th phát hiện ở nhà bên cạnh có một chiếc xe Sirius để trước hiên nhà (đây là nhà của chị Phạm Thúy Ng) nên đã nảy sinh ý định trộm chiếc xe máy đó bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, Th và Đ đi đến nhà người quen của Đ chơi nhưng không có ai ở nhà. Th bàn bạc với Đ quay lại nhà của chị Ng để tìm cách lấy trộm chiếc xe mô tô lúc này và Đ đồng ý. Đ chờ Th đến gần nhà chị Ng, Đ ngồi trên xe mô tô dừng ở đường cách nhà chị Ng khoảng 50 (năm mươi) mét để cảnh giới. Còn Th đi bộ vào bên trong để lấy trộm xe. Th phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, BKS: 82M1-022.15 có cắm chìa khóa sẵn nên đã dắt xe ra công nỏ máy điều khiển xe chạy về hướng thị trấn ST. Th mang trả chiếc xe mô tô đã mượn rồi cả hai điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi theo hướng xã Ya Tăng, huyện ST qua tỉnh Gia Lai để bán xe. Khi đi tới tiểu khu 636, xã Ya Tăng thì Th dừng lại rồi Đ mở cốp xe ra thì thấy 01 (một) giấy phép lái xe, 02 (hai) chứng minh nhân dân, 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô. Đ đã đưa cho Th số giấy tờ trên và Th đã rút đi 01 (một) giấy phép lái xe, 02 (hai) chứng minh nhân dân, còn 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô thì Th giữ lại. Tại đây Đ bàn với Th quay lại và đến thành phố Kon Tum bán xe cho gần, Th đồng ý và sau đó cả hai đã đến TP. Kon Tum vào nhà Phạm Lâm S (ở thôn Kon Tum Kơ 5, P. TN, TP. Kon Tum) để nhờ S bán xe giúp.

Khi tới nhà S thì S đang phun S xe mô tô nên Th và Đ vào trong nhà ngồi đợi, một lúc sau T (tên gọi khác: TM) cũng đến và mang theo xe mô tô mà Th và T trộm cắp được vào ngày 03/01/2019 xuống nhờ S bán giúp, đi cùng với T là H, nhưng H đứng ngoài đường chứ không vào trong nhà. Thấy T đến, Đ nói với S: “Ra giải quyết cho TM trước đi”, S ra gặp T và T nói: “Anh biết ai mua xe

không, em muốn bán xe này, xe có giấy tờ”. S hỏi Tú: “bán bao nhiêu ?” thì T nói bán 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, S lấy chiếc xe mà T nhờ bán rồi chạy đến tiệm sửa xe máy của anh Nguyễn Đ S. S nói với anh S là xe của thằng em và có giấy tờ đầy đủ nên anh S đã đồng ý mua với giá 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Anh S nói với S về nhà S để xem giấy tờ xe và viết giấy mua bán, nhưng S đã nói dối anh S là chủ xe đi đâu mất rồi và hẹn anh S làm giấy mua bán sau. Khi nhận tiền bán xe từ anh S thì S đã giữ lại 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và đưa cho T 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Khi S đưa tiền cho T thì có hỏi Tú: “xe đó ở đâu”, T trả lời: “Xe lượm được” (Tức là xe trộm cắp được). T nhận tiền S đưa và nhờ H chở tới nhà nghỉ Roman ở thành phố Kon Tum và ở đó cho đến khi ra đầu thú, số tiền bán xe được T trả tiền nhà nghỉ và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi T đi, S hỏi Đ: “bán chiếc xe này bao nhiêu?”. Đ nói 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), S nói “đắt”. Sau đó, Quách Ngọc Ph đi lên nhà S chơi thì S nhờ Ph đưa xe mô tô đến quán của Nguyễn Đ S. Đi một lúc thì Ph gọi điện cho S và S nói: “Kiếm chỗ nào bán trên mười triệu là được”. Ph điều khiển chiếc xe BKS: 82M1 022.15 đi tìm và bán chiếc xe đó cho Mai Xuân V với giá 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Sau đó, Ph đi xe taxi về nhà S và đưa cho Đ 8.900.000 đồng (Tám triệu chín trăm nghìn đồng) vì Ph đã trả tiền taxi hết 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng). Đ nhận tiền từ Ph rồi lấy ra trong số tiền đó 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) cho Ph bảo Ph cầm mà uống nước. Sau đó, Đ và Th thuê Taxi đi chơi ở thành phố Kon Tum rồi về huyện ST và tiêu xài hết số tiền trên.

Sau khi mua xe từ Ph, cùng ngày hôm đó V đã đem chiếc xe đó về bán lại cho cửa hàng xe máy Quang Hiệp với giá 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Cũng trong ngày hôm đó, ông Hiệp đã bán lại chiếc xe đó cho cửa hàng mua bán xe máy Hưng Phúc với giá 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng). Ngày 06/01/2019, ông Phúc bán chiếc xe đó cho anh Nông Ngọc V với giá 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Về phần chiếc xe mô tô BKS: 82AA - 050.11, sau khi mua lại từ S, anh S bán lại cho Nguyễn Minh T với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Sau đó, anh S dẫn anh Tuấn đến nhà S để làm giấy mua bán xe với anh Tuấn. S viết giấy tờ mua bán xe mô tô với anh Tuấn nhưng S lại ghi nội dung là anh Ph bán xe cho anh Tuấn và nói Ph đứng ra ký vào giấy tờ mua bán (lúc này S đã biết xe này do T trộm cắp mà có). Anh Ph đồng ý ký giấy tờ mua bán xe và yêu cầu S cho Ph 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng), S đồng ý. Ngày 06/01/2019, anh Tuấn bán lại chiếc xe đó cho Bùi Quang Nh với giá 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Cùng ngày hôm đó, anh Tuấn lại dẫn một người quen của anh Tuấn tên là Đỗ Xuân Tr lên hỏi mua lại chiếc xe đã bán cho anh Nhựt, sau khi thỏa thuận thì anh Trường đã mua lại chiếc xe đó từ anh Nhựt với giá 6.900.000 đồng (Sáu triệu chín trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 22/01/2019 của Hội đồng định giá tổ tụng hình sự huyện ST kết luận giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu FLYAMAHA, loại CKD, BKS: 82AA-050.11, màu S đen tại thời điểm bị trộm

cấp là 10.800.000 đồng (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng*); giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, BKS: 82M1-022.15, màu S trắng đen tại thời điểm bị trộm cấp là 9.470.000 đồng (*Chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo: Lê Đ T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Bành Viết Th và Trần Minh Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Phạm Lâm S về tội “*tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại Phên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo và đề nghị như sau:

- Đối với bị cáo Lê Đ T (Tên gọi khác: TM): Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đ T từ 24 đến 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Hình phạt bổ sung: Không.

- Đối với bị cáo Bành Viết Th (Tên gọi khác: Đ): Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 ; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bành Viết Th từ 18 đến 24 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Hình phạt bổ sung: Không.

- Đối với bị cáo Trần Minh Đ (Tên gọi khác: Ty): Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Minh Đ từ 14 đến 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Hình phạt bổ sung: Không. Áp dụng Điều 55; Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt đối với Bản án số 09/2019/HSST ngày 28/5/2019 của TAND huyện ST, tỉnh Kon Tum xử phạt bị cáo Trần Minh Đ 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Đối với bị cáo Phạm Lâm S: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Lâm S từ 12 đến 16 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 đến 32 tháng. Giao bị cáo cho UBND P.QT, TP KT, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Y Th và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên đề nghị HĐXX tách phần dân sự.

Về vật chứng vụ án: Không.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Phên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra V, Viện kiểm sát, Kiểm sát V trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng

về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Phên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[2] Tại Phên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trước đây tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở để nhận định:

Ngày 03/01/2019, Bành Viêt Th và Lê Đ T có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản là xe mô tô của chị Y Th, trị giá tài sản là 10.800.000 đồng (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng*). Đến ngày 05/01/2019, Bành Viêt Th tiếp tục cùng với Trần Minh Đ lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản là xe mô tô của chị Phạm Thị Thúy Ng, trị giá tài sản là 9.470.000 đồng (*Chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*). Đối với bị cáo Phạm Lâm S, mặc dù biết xe mô tô do bị cáo Tú, bị cáo Đ và bị cáo Th nhờ bán là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp các bị cáo tiêu thụ tài sản trộm cắp.

Xét thấy, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ độ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý.

Đối với bị cáo Lê Đ Tú: Ngày 14/4/2016, bị TAND huyện STuyên phạt 08 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 08/9/2017, bị TAND thành phố Kon Tum tuyên phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Đối với bị cáo Bành Viêt Th: Ngày 12/4/2016, bị TAND tỉnh Kon Tum tuyên phạt 30 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Đối với bị cáo Trần Minh Đ: Ngày 14/7/2017, bị TAND huyện ST xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Ngày 22/2/2019, bị TAND huyện ST xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 28/5/2019, bị TAND huyện ST tuyên phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đủ cơ sở kết luận bị cáo Bành Viêt Th, Trần Minh Đ và Lê Đ T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Bành Viêt Th và Trần Minh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; riêng bị cáo Lê Đ T, thuộc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo Lê Đ T là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Lâm S phạm tội “*tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh Kon Tum truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Trong vụ án này, Quách Ngọc Ph là người quen của S, khi được S nhờ bán chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, BKS: 82M1-022.15, màu S trắng đen thì Ph đã đồng ý giúp S nhưng Ph không biết chiếc xe mà S nhờ Ph bán là xe do trộm cắp mà có. Việc Ph viết giấy mua bán chiếc xe BKS: 82M1-022.15 cho Mai Xuân V, Ph đứng tên là người bán: Do Ph nghĩ chiếc xe trên không phải do phạm tội mà có, mà S là người quen thân nên Ph mới viết giấy mua bán xe theo yêu cầu của S để thuận tiện cho việc bán giúp chiếc xe trên được giá, sau khi biết xe mô tô trên do trộm cắp thì Ph đã gọi điện cho V để nói

V dừng bán xe đi. Việc Ph ký giấy tờ mua bán chiếc xe BKS: 82AA - 050.11 do S viết một phần vì cả nể và được trả công, còn bản thân Ph không biết hai chiếc xe trên là do trộm cắp mà có. Đối với Mai Xuân V cũng không biết chiếc xe mà Ph bán cho V là xe trộm cắp nên V đã mua và bán lại cho Nguyễn Quang H. Giống như V, ông Hiệp bán lại cho Nguyễn Quang Ph rồi ông Phúc bán lại cho Nông Ngọc V mà không ai biết đó là xe do trộm cắp mà có vì khi mua và bán lại thì những người bán đều đưa ra được giấy tờ đăng ký xe. Tương tự như vậy, khi mua và bán lại chiếc xe nhãn hiệu FLYAMAHA, loại CKD, BKS: 82AA-050.11, màu S đen thì Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh T, Nguyễn Trường Nhật và Đỗ Xuân Tr đều không biết nguồn gốc của chiếc xe đó là xe trộm cắp vì xe cũng có giấy tờ đăng ký xe. Nguyễn Thanh B là người được Tnhờ chở về nhà Bình nhưng trong thời gian ở tại nhà B, Tcũng không nói cho Bình biết về chuyện mình trộm cắp xe mô tô. Tcũng không cho Bình tiền trong số tiền Tbán xe trộm cắp được. Đối tượng H là người được Tnhờ chở từ nhà S tới nhà nghỉ Roman, nhưng Tcũng không nói cho H biết việc Ttrộm cắp xe máy mang tới nhà S để bán, Tcũng không cho H tiền trong số tiền Tbán xe trộm cắp được. Do đó, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Quách Ngọc Ph, Mai Xuân V, Nguyễn Quang H, Nguyễn Quang Ph, Nông Ngọc V, Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh T, Nguyễn Trường Nhật, Đỗ Xuân Tr, Nguyễn Thanh B và đối tượng H là phù hợp.

HĐXX xét thấy, chỉ vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo Tú, Th, Đ đã rủ rê nhau trộm cắp tài sản. Bị cáo S mặc dù biết tài sản mà các bị cáo trên trộm cắp nhưng vẫn cố tình tiêu thụ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là những thanh niên có sức khỏe, đủ nhận thức về hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích, biết tôn trọng pháp luật. Đồng thời qua đó nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong tình hình tội phạm hiện nay.

Xét thấy: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, trong đó: Ngày 03/01/2019 bị cáo Lê Đình Tlà người khởi xướng, rủ rê bị cáo Bàn Viết Th trộm cắp và là người trực tiếp vào sân lấy xe mô tô của chị Thảo; Ngày 05/01/2019 bị cáo Bàn Viết Th là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Trần Minh Đ trộm cắp và là người trực tiếp vào nhà lấy xe mô tô của chị Ng. Do đó, khi lượng hình cần xem xét vai trò của từng bị cáo để có mức án phù hợp, tương xứng với hành vi của từng bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt:

Bị cáo Lê Đ Tú: Tại Phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; ngoài ra, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và có mệ là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định

tại điểm s, h khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với bị cáo.

Bị cáo Bành Việt Th: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần, trong đó mỗi lần đều đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, bị cáo chưa được xóa án tích nhưng lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tại Phên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, h khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo Trần Minh Đ: Tại Phên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo Phạm Lâm S: Tại Phên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hơn nữa, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt (*không có tiền án, tiền sự*), có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, không cần cách ly bị cáo mà xử phạt bị cáo một mức án có thời gian thử thách cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người có ích và tôn trọng pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra và tại Phên tòa, chị Phạm Thị Thúy Ng không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Đối với người bị hại là chị Y Th và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Quách Ngọc Ph, Mai Xuân V, Nguyễn Quang H, Nguyễn Quang Ph, Nông Ngọc V, Nguyễn Văn S, Nguyễn Minh T, Nguyễn Trường Nhật, Đỗ Xuân Tr trong quá trình điều tra không yêu cầu giải quyết bồi thường. Tuy nhiên, tại Phên tòa vắng mặt những người trên. Căn cứ theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho những người này, Hội đồng xét xử tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, khi những người này có đơn yêu cầu khởi kiện.

[5] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu FLYAMAHA, loại CKD, BKS: 82AA-050.11 và mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, BKS: 82M1-022.15 cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Y Th và chị Phạm Thị Thúy Ng là đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Đ Tú, Bành Viết Th, Trần Minh Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, h khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Đ T (Tên gọi khác: TM)** 26 (*Hai mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ , tạm giam (15/01/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s, h khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bành Viết Th (Tên gọi khác: Đ)** 20 (*Hai mươi*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ , tạm giam (15/01/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Minh Đ (Tên gọi khác: Ty)** 16 (*Mười sáu*) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt Bản án số 09/2019/HSST ngày 28/5/2019 của TAND huyện ST, tỉnh Kon Tum xử phạt bị cáo Trần Minh Đ 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 (Hai) bản án là 28 (*Hai mươi tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019 nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2018 đến ngày 07/8/2018 và thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2019 đến ngày 23/01/2019.

2. Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Lâm S** phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Lâm S 12 (*Mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án (27/8/2019).

Giao bị cáo Phạm Lâm S cho Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố KT, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo **Lê Đình T** phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo **Bành Viết Th** phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo **Trần Minh Đ** phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo **Phạm Lâm S** phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trong thời hạn 15 ngày (*mười lăm ngày*), kể từ ngày tuyên án (*ngày 27/8/2019*), bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền gửi đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND huyện ST;
- Công an huyện ST;
- Chi cục THADS huyện ST;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Ry Thị Mỹ Hoàng

THÀNH V HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA

